

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP VỀ TÀI CHÍNH VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Nguyễn Thị Thanh Thủy*, Nguyễn Ngọc Hoan

Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Một doanh nghiệp được đánh giá là hoạt động kinh doanh hiệu quả khi doanh nghiệp đó thực sự độc lập về tài chính. Đánh giá mức độ độc lập về tài chính của doanh nghiệp thường đi liền với việc phân tích khả năng thanh toán. Đây là việc làm hết sức cần thiết trong phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Đánh giá mức độ độc lập tài chính và phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với lãnh đạo doanh nghiệp cũng như các đối tượng sử dụng thông tin tài chính. Bài báo này đi từ việc giới thiệu các nhóm chỉ tiêu tài chính sử dụng để đánh giá mức độ độc lập tài chính và phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp đến việc áp dụng các nhóm chỉ tiêu tài chính đó vào phân tích tại một doanh nghiệp cụ thể. Từ đó, hỗ trợ ra quyết định cho các đối tượng sử dụng thông tin tài chính.

Từ khóa: *phân tích, đánh giá, chỉ tiêu, tài chính, mức độ độc lập, khả năng thanh toán*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Mức độ độc lập, tự chủ về mặt tài chính phản ánh quyền của doanh nghiệp trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp cũng như quyền kiểm soát các chính sách đó [2].

Mức độ độc lập tài chính của doanh nghiệp thường biểu hiện qua nhiều chỉ tiêu khác nhau và được xem xét trên nhiều khía cạnh khác nhau như: mức độ tài trợ tài sản bằng vốn chủ sở hữu, hệ số nợ so với tài sản, hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu,...

Khả năng thanh toán cho biết năng lực tài chính trước mắt và lâu dài của doanh nghiệp [4]. Một doanh nghiệp nếu có tình trạng tài chính tốt, lành mạnh, chứng tỏ hoạt động của doanh nghiệp có hiệu quả, doanh nghiệp không những có đủ mà còn thừa khả năng thanh toán. Ngược lại nếu doanh nghiệp ở trong tình trạng tài chính xấu, chứng tỏ hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, doanh nghiệp không bảo đảm khả năng thanh toán các khoản nợ, uy tín của doanh nghiệp thấp. Thực tế cho thấy, nếu khả năng thanh toán của doanh nghiệp không bảo đảm, chắc chắn doanh nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong mọi hoạt động, thậm chí rơi vào tình trạng phá sản.

Phân tích khả năng thanh toán sẽ giúp cho nhà quản trị đánh giá được sức mạnh tài chính hiện tại, cũng như dự đoán được tiềm lực trong thanh toán của doanh nghiệp mình [4]. Khả năng thanh toán của doanh nghiệp thể hiện trên nhiều mặt khác nhau như: khả năng thanh toán tổng quát, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán nợ dài hạn, khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán tức thời. Một doanh nghiệp được xem là bảo đảm khả năng thanh toán khi và chỉ khi doanh nghiệp bảo đảm đáp ứng đủ các mặt khác nhau của khả năng thanh toán. Trên thực tế, có khá nhiều doanh nghiệp có khả năng thanh toán tổng quát cao nhưng khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, khả năng thanh toán nhanh hay khả năng thanh toán tức thời không đảm bảo. Trường hợp ngược lại chiếm tỷ lệ không nhỏ, tức là doanh nghiệp có thừa khả năng thanh toán tức thời hay khả năng thanh toán nhanh nhưng lại không bảo đảm khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, dài hạn hay khả năng thanh toán tổng quát. Chính vì vậy, việc đánh giá khái quát khả năng thanh toán của doanh nghiệp phải được xem xét đầy đủ toàn diện các chỉ tiêu đánh giá. Đồng thời, các nhà phân tích cần thiết và phải liên kết các khả năng thanh toán với nhau để đánh giá, không được sử dụng khả năng thanh toán này để bù trừ hay thay thế cho khả năng thanh toán khác.

* Tel: 0917 505676, Email: nttthuy.thkt@ictu.edu.vn

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Để đánh giá mức độ độc lập tài chính của doanh nghiệp, người ta sử dụng các chỉ tiêu: hệ số tài trợ, hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn và hệ số tự tài trợ tài sản cố định. Cách xác định các chỉ tiêu này thể hiện trong bảng 1 [3].

- Hệ số tài trợ là chỉ tiêu thông dụng và phản ánh rõ nét nhất mức độ độc lập tài chính của doanh nghiệp. Hệ số tài trợ là chỉ tiêu phản ánh khả năng tự đảm bảo về mặt tài chính và mức độ độc lập tài chính của doanh nghiệp. Chỉ tiêu này cho biết trong tổng số nguồn vốn tài trợ của doanh nghiệp, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng như thế nào. Trị số chỉ tiêu càng lớn chứng tỏ khả năng tự bảo đảm về mặt tài chính càng cao, mức độ độc lập về mặt tài chính của doanh nghiệp càng tăng và ngược lại.

- Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn là chỉ tiêu phản ánh khả năng trang trải tài sản dài hạn bằng vốn chủ sở hữu.

Do đặc điểm của tài sản dài hạn là thời gian luân chuyển dài nên nếu vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không đủ tài trợ tài sản dài hạn của mình thì phải sử dụng các nguồn vốn khác (kể cả vốn chiếm dụng dài hạn), khi các khoản nợ đáo hạn, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong thanh toán và ngược lại. Nếu vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp có đủ và bảo đảm thừa khả năng tài trợ tài sản dài hạn của doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ ít gặp khó

khăn khi thanh toán nợ đáo hạn. Vì vậy, khi trị số của chỉ tiêu “Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn” ≥ 1 , số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp có đủ và thừa để trang trải tài sản dài hạn.

- Hệ số tự tài trợ tài sản cố định là chỉ tiêu phản ánh khả năng đáp ứng bộ phận tài sản cố định đã và đang đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Do tài sản cố định là bộ phận tài sản dài hạn chủ yếu, phản ánh toàn bộ cơ sở vật chất của doanh nghiệp, bảo đảm cho mọi hoạt động của doanh nghiệp tiến hành được bình thường nên doanh nghiệp không thể dễ dàng nhượng bán hay thanh lý bộ phận tài sản cố định được nên trong trường hợp trị số của chỉ tiêu “Hệ số tự tài trợ tài sản cố định” của doanh nghiệp < 1 , mọi quyết định về đầu tư hay mua bán liên quan đến doanh nghiệp đó phải lập tức hủy bỏ nếu không muốn sa lầy hay phá sản. Ngược lại, khi trị số chỉ tiêu này ≥ 1 , số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp có đủ và thừa khả năng để trang trải tài sản cố định.

Việc phân tích mức độ độc lập về tài chính thường đi liền với phân tích khả năng thanh toán. Các nhà phân tích thường sử dụng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán như sau: hệ số khả năng thanh toán tổng quát, hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, hệ số khả năng thanh toán nhanh, hệ số khả năng thanh toán tức thời và hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn. Các chỉ tiêu này được xác định như ở bảng 2 [3].

Bảng 1: Các chỉ tiêu đánh giá mức độ độc lập tài chính

Chỉ tiêu	Công thức tính
Hệ số tài trợ	$\text{Hệ số tài trợ} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số nguồn vốn}}$
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	$\text{Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tài sản dài hạn}}$
Hệ số tự tài trợ tài sản cố định	$\text{Hệ số tự tài trợ tài sản cố định} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tài sản cố định đã và đang đầu tư}}$

Bảng 2: Các chỉ tiêu phân tích khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Công thức tính
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	$\text{Hệ số khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng số tài sản}}{\text{Tổng số nợ phải trả}}$
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	$\text{Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$
Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn	$\text{Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn} = \frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Nợ dài hạn}}$

- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát: là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán chung của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này cho biết: với tổng số tài sản hiện có, doanh nghiệp có bảo đảm trang trải được các khoản nợ phải trả hay không. Nếu trị số chỉ tiêu “Hệ số khả năng thanh toán tổng quát” của doanh nghiệp ≥ 1 , doanh nghiệp đảm bảo khả năng thanh toán tổng quát và ngược lại; khi trị số này < 1 , doanh nghiệp không bảo đảm khả năng trang trải các khoản nợ. Trị số của “Hệ số khả năng thanh toán tổng quát” càng nhỏ hơn 1, doanh nghiệp càng mất dần khả năng thanh toán.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: là chỉ tiêu cho thấy khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp là cao hay thấp. Nợ ngắn hạn là các khoản nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán trong vòng một năm hay một chu kỳ kinh doanh. Nếu trị số của chỉ tiêu này ≥ 1 , doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và tình hình tài chính là bình thường hoặc khả quan. Ngược lại, trị số của chỉ tiêu này < 1 , doanh nghiệp không bảo đảm đáp ứng được các khoản nợ ngắn hạn. Trị số của “Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn” càng nhỏ hơn

1, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp càng thấp.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: Chỉ tiêu này cho biết: với giá trị còn lại của tài sản ngắn hạn (sau khi đã loại trừ giá trị hàng tồn kho là bộ phận có khả năng chuyển đổi thành tiền chậm nhất trong toàn bộ tài sản ngắn hạn), doanh nghiệp có đủ khả năng trang trải toàn bộ nợ ngắn hạn hay không. Về mặt lý thuyết, khi trị số của chỉ tiêu “Hệ số khả năng thanh toán nhanh” ≥ 1 , doanh nghiệp bảo đảm và thừa khả năng thanh toán nhanh và ngược lại, trị số của chỉ tiêu < 1 , doanh nghiệp không bảo đảm khả năng thanh toán nhanh.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn: là chỉ tiêu cho biết với số tài sản hiện có, doanh nghiệp có đủ khả năng trang trải nợ dài hạn hay không. Trị số này càng cao, khả năng bảo đảm thanh toán nợ dài hạn càng lớn.

PHÂN TÍCH MỨC ĐỘ ĐỘC LẬP VỀ TÀI CHÍNH VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Công ty cổ phần FPT là một tập đoàn kinh tế tại Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh chính là cung cấp các dịch vụ liên quan công nghệ thông tin [5]. Năm 2015, FPT lọt vào danh sách 300 công ty hàng đầu Châu Á.

Bảng 3: Một số chỉ số tài chính của Công ty cổ phần FPT giai đoạn 2013-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	2014/2013 (%)	2015/2014 (%)
Tài sản ngắn hạn	12.908.243	16.709.157	18.959.009	29,45	13,46
Tiền, các khoản tương đương tiền	2.750.971	4.336.282	3.584.709	57,63	-17,33
Hàng tồn kho	3.328.881	4.572.636	5.268.100	37,36	15,21
Tài sản dài hạn	4.662.314	5.949.187	7.086.579	27,60	19,12
Tài sản cố định	3.075.864	3.300.547	4.292.253	7,30	30,05
Tổng tài sản	17.570.557	22.658.344	26.045.589	28,96	14,95
Nợ phải trả	9.316.700	13.400.525	15.863.303	43,83	18,38
Nợ ngắn hạn	9.068.740	12.969.956	14.967.554	43,02	15,40
Nợ dài hạn	247.960	430.569	895.748	73,64	108,04
Vốn chủ sở hữu	7.208.665	9.257.819	10.182.286	28,43	9,99

Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty cổ phần FPT

Bảng 4: Phân tích mức độ độc lập tài chính và khả năng thanh toán của Công ty cổ phần FPT giai đoạn 2013-2015

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Hệ số tài trợ	0,41	0,41	0,39
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	1,55	1,56	1,44
Hệ số tự tài trợ tài sản cố định	2,34	2,41	2,37
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	1,89	1,69	1,64
Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,42	1,29	1,27
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	1,06	0,94	0,91
Hệ số khả năng thanh toán nợ dài hạn	18,8	6,64	7,91

Nguồn: Báo cáo tài chính của công ty cổ phần FPT và tính toán của tác giả

Dựa vào bảng 3 chúng ta thấy rằng hầu hết các chỉ tiêu tài chính của công ty FPT đều tăng. Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn của công ty đều tăng rất mạnh trên 20%. Chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền năm 2014 tăng đến 57,63% so với năm 2013. Chỉ tiêu này cho thấy công ty giữ khá nhiều tiền chưa đưa vào đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Năm

2015, chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền của công ty giảm 17,33% so với năm 2014 chứng tỏ dự trữ tiền của công ty giảm để đưa tiền đầu tư vào sản xuất kinh doanh nhiều hơn. Đây là quyết sách đúng đắn của doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy sự mất cân đối trong cơ cấu tài sản của công ty, tài sản

ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn còn tài sản dài hạn chưa được đầu tư nhiều. Hàng tồn kho cũng chiếm tỷ lệ không nhỏ trong tài sản ngắn hạn và tăng qua các năm. Thời gian tới, công ty cần sử dụng các giải pháp hợp lý để giảm bớt hàng tồn kho, đưa vốn vào sản xuất kinh doanh.

Chúng ta cũng có thể thấy Nợ phải trả chiếm tỷ lệ không lớn trong Tổng nguồn vốn của doanh nghiệp, Vốn chủ sở hữu đều tăng qua các năm chiếm tỷ lệ từ 35% đến 45% Tổng nguồn vốn là tương đối cao. Để có kết quả phân tích chính xác và cụ thể hơn, chúng ta cùng tìm hiểu bảng 4.

Dựa vào bảng 4 chúng ta thấy rằng: Hệ số tài trợ của công ty trong giai đoạn 2013-2015 đều cao hơn 30%, đây cũng là con số đáng nể đối với các doanh nghiệp; Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn của công ty trong giai đoạn này đều lớn hơn 1, cụ thể là năm 2013 chỉ tiêu này bằng 1,55 có nghĩa là 1 đồng tài sản dài hạn được đảm bảo 1,55 đồng vốn chủ sở hữu; đặc biệt hệ số tự tài trợ tài sản cố định đều lớn hơn 2 chứng tỏ nguồn vốn chủ sở hữu hoàn toàn có thể trang trải tài sản dài hạn nói chung và tài sản cố định nói riêng của công ty. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng cao do lợi nhuận các năm trong giai đoạn này đều rất cao. Hệ số này nếu công ty vẫn duy trì được trong tương lai là rất tốt, nó thể hiện khả năng tự chủ về tài chính của công ty, hạn chế được rủi ro do chiếm dụng vốn. Qua phân tích chúng ta thấy rằng mức độ độc lập về tài chính của công ty là tương đối cao. Tuy nhiên, có thể thấy rằng các chỉ tiêu này từ năm 2013 đến năm 2015 là có giảm nhưng không nhiều.

Bảng 4 cũng cho thấy khá rõ nét về khả năng thanh toán của công ty. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán của FPT đều cao và hầu hết lớn hơn một. Cụ thể là khả năng thanh toán tổng quát của công ty năm 2013 bằng 1,89 hay 1 đồng nợ phải trả được đảm bảo bằng 1,89 đồng tài sản. Khả năng thanh toán tổng quát các năm 2014, 2015 lần lượt là 1,69; 1,64 tuy có giảm nhưng vẫn rất cao. Chi tiết chúng ta thấy khả năng thanh toán nhanh, khả

năng thanh toán nợ ngắn hạn, dài hạn đều cao cho thấy khả năng thanh toán của công ty rất tốt. Hệ số thanh toán nợ dài hạn của công ty trong giai đoạn này rất cao đều lớn hơn 6 cho thấy tài sản dài hạn của công ty được tài trợ chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu, vay dài hạn chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Từ những số liệu phân tích trong bảng 4 cho thấy: Công ty đã hạn chế được rủi ro, giảm chi phí, tăng lợi nhuận, đảm bảo khả năng chi trả. Như vậy, nhà cung cấp có thể yên tâm về các khoản nợ của mình khi bán hàng cho FPT và các tổ chức tín dụng có thể yên tâm cho FPT vay tiền để sản xuất kinh doanh.

KẾT LUẬN

Khi phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, các nhà phân tích thường không quan tâm nhiều đến các hệ số đánh giá mức độ độc lập về tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc phân tích mức độ độc lập về tài chính đồng thời với phân tích khả năng thanh toán là một trong những phương pháp đánh giá tương đối chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Hiện nay, có khá nhiều doanh nghiệp tổng nguồn vốn tương đối lớn nhưng chủ yếu là vốn vay còn nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Chính vì vậy, mức độ độc lập về tài chính và khả năng thanh toán của các doanh nghiệp đó không cao, điều đó khó đảm bảo doanh nghiệp tồn tại lâu dài. Mức độ độc lập về tài chính và khả năng thanh toán cao giúp doanh nghiệp tồn tại vững chắc trên thị trường. Đây chính là nền tảng cơ bản để các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đưa ra quyết định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty Cổ phần FPT, *Báo cáo tài chính các năm 2013, 2014 và 2015*.
2. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ (2008), *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
3. Nguyễn Năng Phúc (2011), *Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. Vũ Quỳnh Nam (2014), *Phân tích tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư & thương mại TNG*, Tạp

chí Khoa học & công nghệ Đại học Thái Nguyên.
5. www.fpt.vn

SUMMARY

ASSESSMENT OF THE INDEPENDENT FINANCIAL AND SOLVENCY OF FPT JOINT STOCK COMPANY

Nguyen Thi Thanh Thuy*, Nguyen Ngoc Hoan

University of Information and Communication Technology – TNU

An enterprise is evaluated as an effective business when it is really independent financially. Assessing the level of financial independence of the enterprise is often associated with the analysis of solvency. This is very necessary work in analyzing the financial position of the enterprise, and assessing the level of financial independence and solvency analysis of enterprises is extremely important for enterprise leaders as well as those who use financial information. The paper presents not only the introduction of financial expenditure groups used to assess the level of financial independence and solvency of the business but also the application of financial expenditure groups in order to analyze in a specific business. Since then, support decision-making for those using financial information is necessary..

Keywords: *analysis, assessment, indicators, finance, level of independence, ability to pay*

Ngày nhận bài: 03/8/2016; Ngày phản biện: 16/8/2016; Ngày duyệt đăng: 31/3/2017

* Tel: 0917 505676, Email: ntthuy.thkt@ictu.edu.vn